My name is: _____

WORKSHEET

Date: ..... SGL Saigon Language Topic: Unit 1: My school things Vocabulary: book, pen, rubber, pencil, bag, door, window, ruler	Teacher's feedbacks

Task 1: Fill in the missing letters and match: (Con điền từ còn thiếu sau đó nối vào bức tranh tương ứng)

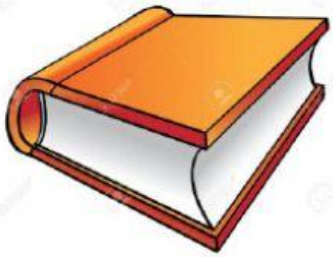

D_ _ R

W _ ND _ W

B _ _ K

R _ B _ E _

P _ N

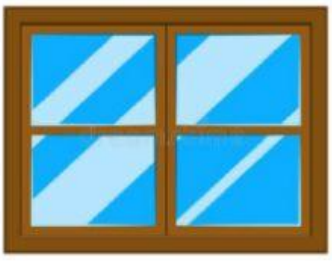

P _ NC _ L

LIVEWORKSHEETS

Task 2:Look and Write. (Con nhìn tranh và sắp xếp cho thành từ đúng)

k/o/o/b/s ->

r/o/d/o ->

n/e/p ->

g/a/b ->

b/u/r/b/r/e ->

l/u/r/e/r ->

n/e/p/l/i/c ->

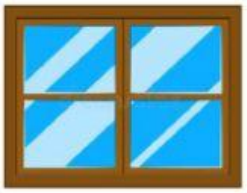

w/w/d/i/o/n->

Task 3: Look the pictures and fill in the blanks:(Các con nhìn vào hình và hoàn thành đoạn văn sau)

This is my classroom. I see a _____ and a

_____ . There is a _____ ,

_____ and _____ on the table.

There is a _____ on the shelf.

LIVEWORKSHEETS

Task 4: Look and match: (Các con nhìn vào hình và nối với từ phù hợp)

1

2

3

4

5

6

A. Take the pen

B. Draw

C. Write

D. Close the door

E. Close the window

F. Open the book

LIVEWORKSHEETS